TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Lam và bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Y - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 693/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Mỹ T, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phùng Thị Mỹ T trình bày:

Bà Phùng Thị Mỹ T và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau vào năm 2020, có tổ chức lễ cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 03/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, TP . - T. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình chồng tại thôn C, xã T, thành phố P - T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/ 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, ông N đuổi bà T và con về nhà mẹ ruột. Bà T và hai con đã chuyển về nhà mẹ ruột ở thôn N, xã P, huyện N từ giữa năm

2023. Trong thời gian ly thân vợ chồng bà không gặp nhau, không ai đặt vấn đề quay lại sống chung.

Nay, tình cảm vợ chồng không còn bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với Nguyễn Văn N.

Về con chung: Bà T và ông N có 01 con chung Nguyễn Minh N1, sinh ngày 29/9/2020. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con. Bà T hiện nay làm công nhân may, mức thu nhập hiện nay khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Nguyễn Văn N : Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phùng Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con với bị đơn Nguyễn Văn N. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở xã T, TP . - T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - T theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Phùng Thị Mỹ T và Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2020 ngày 03/8/2020, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Tuy nhiên, từ tháng 6/2023 đến nay đời sống vợ chồng của bà T, ông N không hạnh phúc, vợ chồng mâu thuẫn thường xuyên, không có tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống. Ông N đuổi bà T và con về nhà mẹ ruột của bà T ở thôn N, xã P, huyện N từ giữa năm 2023. Trong thời gian ly thân vợ chồng bà không gặp nhau, không ai đặt vấn đề quay lại sống chung.

Tình trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông N được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 12/01/2024. Ông N biết việc bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng thể hiện ông N không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.3] Về con chung: Bà T và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Minh N1, sinh ngày 29/9/2020. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu N1 hiện đang ở với bà T, được chăm sóc, giáo dục tốt; Bà T có công việc và thu nhập ổn định nên giao cháu N1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố P - T tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Phùng Thị Mỹ T được ly hôn với Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cho bà Phùng Thị Mỹ T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh N1, sinh ngày 29/9/2020. Ông Nguyễn Văn N không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Phùng Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) Bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000405 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận. Bà Phùng Thị Mỹ T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND xã Thành Hải, TP. PR-TC (GKH số 79 ngày 03/8/2020);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng